

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 961/CAT-PV01

Bình Phước, ngày 15 tháng 5 năm 2024

V/v đăng tải và xin ý kiến tham gia vào
dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về
Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh,
trật tự ở cơ sở

Kính gửi:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện thực hiện Công văn số 276/UBND-NC ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện các nội dung được Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở giao quy định chi tiết; Công văn số 833/UBND-TH ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2024; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Công an tỉnh được UBND tỉnh giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và hỗ trợ chế độ, chính sách, bồi dưỡng đối với người tham gia Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”. Để có cơ sở hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Phương án kiện toàn, Quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an tỉnh trân trọng đề nghị các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tham gia ý kiến đối với các dự thảo (lần 1).

(Có dự thảo gửi kèm theo, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Công an tỉnh Bình Phước: <http://congan.binhphuoc.gov.vn>)

Đề nghị Sở Thông tin và truyền thông tỉnh đăng tải nội dung các dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Phương án kiện toàn, Quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước (thời gian đăng tải là 30 ngày) để các tổ chức, cá nhân biết và tham gia ý kiến.

Kết quả góp ý, đề nghị các đơn vị, địa phương gửi về Công an tỉnh (qua Đội 8, Phòng Tham mưu hoặc email cabpdoi8pv01@gmail.com, SĐT 0982290778) trước ngày **15/6/2024** để tổng hợp, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Rất mong được sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, PV01.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Nguyễn Phương Đăng

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024 quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số/TTr-CAT-PV01 ngày / /2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quy định về số lượng “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*”

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện; có 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn; có 843 khu dân cư là các thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố; trong đó có 667 thôn, ấp ở các xã; 176 tổ dân phố (168 khu phố, 08 thôn, ấp) ở các phường, thị trấn. Tổ chức kiện toàn như sau:

- Đối với 667 khu dân cư là các thôn, ấp thuộc địa bàn các xã, bố trí 667 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 03 đến 04 thành viên; đối với các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 5 thành viên.

- Đối với 176 khu dân cư là các tổ dân phố (168 khu phố, 08 ấp) thuộc địa bàn các phường, thị trấn, bố trí 176 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 05 đến 08 thành viên. Trong đó, các khu dân cư dưới 3000 nhân khẩu bố trí từ 5 đến 7 thành viên; các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 8 thành viên.

Điều 2. Quy định về số lượng thành viên “*Tổ bảo vệ an ninh, trật tự*” cụ thể:

- Tổ trưởng: 843 người.
- Tổ phó: 843 người.
- Tổ viên: 2.214 người.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2024.

Điều 4: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PC.....

CHỦ TỊCH

Số: /2024/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
(Lần 1)

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X - KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều biện thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND, ngày tháng năm 2024 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ...

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tại mỗi thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố ở xã, phường, thị trấn thành lập 01 (một) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, mỗi tổ có 03 đến 08 thành viên (trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và có 01 đến 06 tổ viên).

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Căn cứ quy mô dân số, tình hình an ninh, trật tự và thực tiễn ở địa phương. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện; có 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn; có 843 khu dân cư là các thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố; trong đó có 667 thôn, ấp ở các xã; 176 tổ dân phố (168 khu phố, 08 thôn, ấp) ở các phường, thị trấn. Tổ chức kiện toàn như sau:

- Đối với 667 khu dân cư là các thôn, ấp thuộc địa bàn các xã, bố trí 667 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 03 đến 04 thành viên; đối với các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 5 thành viên.

- Đối với 176 khu dân cư là các tổ dân phố (168 khu phố, 08 ấp) thuộc địa bàn các phường, thị trấn, bố trí 176 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 05 đến 08 thành viên. Trong đó, các khu dân cư dưới 3000 nhân khẩu bố trí từ 5 đến 7 thành viên; các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 8 thành viên.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

- Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn, thống nhất từ 03 lực lượng sau: Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng.

- Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tại thôn, tổ dân phố đã bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, Công an cấp xã lấy ý kiến của đại diện Thôn, Tổ dân phố, Chi bộ, Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố và đại diện tổ chức đoàn thể ở cấp xã, đồng thời căn cứ quá trình công tác thực tế tại địa phương của người đã được bổ nhiệm để đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn và đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã xem xét quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Những trường hợp không đảm bảo sức khỏe, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì ưu tiên xem xét, đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận những đồng chí Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố đang được sử dụng có nhiều kinh nghiệm, có uy tín, đảm bảo sức khỏe, trình độ, năng lực, nhiệt tình công tác và đã được bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ làm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

- Đối với những Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không đủ số lượng thành viên thì tổ chức tuyển chọn mới theo quy định của Luật Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và ưu tiên tuyển chọn công dân đã có thời gian phục vụ trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an xã bán chuyên trách đã kết thúc nhiệm vụ, công dân am hiểu về phong tục, tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư hoặc đã từng tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ trình độ đào tạo và bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Hỗ trợ tiền phụ cấp hàng tháng:

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 1.0 mức lương tối thiểu/người/tháng;

- Tổ phó: Phụ cấp hàng tháng 0,8 mức lương tối thiểu/người/tháng;

- Tổ viên: Phụ cấp hàng tháng 0,6 mức lương tối thiểu/người/tháng.

2. Hỗ trợ theo trình độ đào tạo:

a) Đại học: 0,2 mức lương tối thiểu /người/tháng;

b) Cao đẳng: 0,15 mức lương tối thiểu /người/tháng;

c) Trung cấp: 0,10 mức lương tối thiểu /người/tháng.

3. Hỗ trợ bồi dưỡng

a) Hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ các ngày lễ, tết).

b) Hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày, làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện được hưởng mức bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày.

d) Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ: 100.000 đồng/người/ngày

Điều 5. Hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Hỗ trợ bằng 70% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn áp dụng trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình.

3. Những trường hợp đã tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội của cơ quan đơn vị công tác hoặc không tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thì không được hỗ trợ.

Điều 6. Điều kiện, mức hỗ trợ kinh phí chi trả chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết khi làm nhiệm vụ

1. Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

2. Trợ cấp đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

a) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp được quy định như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 9.000.000 đồng và sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng 900.000 đồng.

b) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động

trên 31% thì được hưởng trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp hằng tháng được quy định như sau: suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 540.000 đồng, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 36.000 đồng.

3. Trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp mai táng bằng 18.000.000 đồng.

b) Đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo số năm tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức hỗ trợ hàng tháng được hưởng.

Thời gian công tác để tính trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng $\frac{1}{2}$ năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

Thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Điều 7. Mức chỉ hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, công tác tập huấn cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (theo khoản 1, Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở)

1. Trang phục cá nhân, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận theo quy định của Chính phủ.

STT	DANH MỤC TRANG PHỤC	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	
2.	Mũ bảo hiểm	Cái	01	
3.	Quần áo xuân hè ngắn tay	Bộ	02 bộ ngắn tay	
4.	Quần áo xuân hè dài tay	Bộ	01 bộ dài tay	
5.	Quần áo thu đông	Bộ	01	
6.	Áo sơ mi	Cái	02	
7.	Ca ra vát	Cái	01	
8.	Dây lưng	Cái	01	
9.	Giày da	Đôi	01	
10.	Dép nhựa	Đôi	01	
11.	Bít tất	Đôi	02	

12.	Quần áo mưa	Bộ	01	
13.	Huy hiệu	Cái	01	
14.	Phù hiệu	Cái	01	
15.	Biển hiệu	Cái	01	
16.	Giấy chứng nhận	Cái	01	

2. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, công tác tập huấn, diễn tập hội thi do địa phương tổ chức, mức chi sơ kết, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở:

a) Chi công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, hội nghị sơ, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua.

b) Bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm 1.000.000đ/Tổ/năm.

Điều 8. Hỗ trợ thôi việc đối với người không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Đối với người (Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng) không có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi kiện toàn thống nhất thì thực hiện chế độ thôi việc theo quy định sau:

a) Người không tiếp tục tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 12 tháng đến dưới 05 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 0.5 mức lương tối thiểu.

b) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 15 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu.

c) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên mà không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.5 mức lương tối thiểu.

d) Thời gian công tác để tính hỗ trợ thôi việc được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

2. Đối với người tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở được hỗ trợ khi thôi việc theo quy định chi tiết tại khoản 1 điều này. Thời gian công tác được tính chuyển tiếp từ khi tham gia lực lượng Công an viên thường trực

ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng.

3. Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Theo phân cấp ngân sách hiện hành. Trường hợp các địa phương gặp khó khăn trong việc cân đối, báo cáo ngân sách tỉnh xem xét hỗ trợ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Nghị quyết này thay thế khoản 4, Điều 11, Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác không tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa..... kỳ họp thứ..... thông qua ngày... tháng.....năm 2024 và có hiệu lực từ ngày....tháng.....năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTƯQH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật - Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website, Báo, Đài PT-TH;
- Các phòng, App;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng 5 năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Ngày 28/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

1.2. Về nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết, cụ thể như sau:

a) Khoản 3 Điều 14 về Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định:

“Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.”

b) Khoản 1 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định:

“Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

c) Điểm b Khoản 2 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định:

“2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng hỗ trợ, bồi dưỡng khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng được quy định như sau:

b. Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

d) Điểm c Khoản 2 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định:

“2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng hỗ trợ, bồi dưỡng khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng được quy định như sau:

c. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

đ. Khoản 2 Điều 26 về Nhiệm vụ chi của địa phương, quy định:

“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại Khoản 1 điều này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương (Khoản 1, Điều 26, quy định về các nhiệm vụ chi của địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm, bao gồm: (1) Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (2) Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (3) Thực hiện chi các nội dung quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này; (4) Sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức; (5) Các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật).”

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 (sửa đổi bổ sung năm 2023), Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang duy

trì hoạt động của 03 lực lượng hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gồm: Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Dân phòng, cụ thể:

2.1. Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp

- Trên địa bàn tỉnh có 86 xã, có 1.206 Công an viên (trong đó có: 204 Công an viên thường trực ở xã, 1.002 Công an viên ở thôn, ấp) đang hoạt động hỗ trợ lực lượng Công an xã chính quy đảm bảo an ninh trật tự ở thôn (ấp) trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Nam: 1.172 người; Nữ: 34 người.

+ Độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 232 người; từ 30 đến 50 tuổi: 924 người; từ trên 50 tuổi: 152 người.

+ Trình độ: Từ đại học trở lên 51 người; cao đẳng 67 người, trung cấp 36 người; dưới trung cấp 1.052 người.

- Về chế độ phụ cấp: Thực hiện theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 ban hành quy định về người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

+ Công an viên thường trực ở xã: Phụ cấp hàng tháng bằng 1.0 mức lương cơ sở + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng + hỗ trợ ngày công lao động 0,05 mức lương cơ sở/ngày + hỗ trợ tiền ăn bằng 0,01 mức lương cơ sở/ngày = 5.580.000đ/người/tháng.

+ Công an viên thôn, ấp: Phụ cấp hàng tháng 0,6 mức lương cơ sở + phụ cấp đặc thù 30% phụ cấp hiện hưởng = 1.404.000đ/người/tháng.

- Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách là: **30,541** tỷ đồng/năm.

2.2. Bảo vệ dân phố

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 25 phường, thị trấn. Tổng số thành viên Bảo vệ dân phố hiện đang tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở là 1.117 người (trong đó: có 25 Ban Bảo vệ dân phố, 25 Trưởng ban, 50 Phó trưởng ban, **176** Tổ trưởng, 866 tổ viên bố trí hoạt động ở 20 phường, 5 thị trấn). Trong đó:

+ Nam: 1.115 người; Nữ: 02 người.

+ Độ tuổi: Từ 18 đến 30: 135 người; từ 31 đến 50: 601 người; từ 50 trở lên 381 người.

+ Trình độ: Từ đại học trở lên 25 người; cao đẳng 30 người, trung cấp 40 người; dưới trung cấp 1.022 người.

- Chế độ phụ cấp hiện tại: Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ, chính sách và

trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/8/2008 ban hành quy định về việc áp dụng chế độ phụ cấp hàng tháng trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

+ Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Bằng 1,65 mức lương tối thiểu hiện hành (2.970.000đ/tháng).

+ Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố: Bằng 1,46 mức lương tối thiểu hiện hành (2.628.000đ/tháng).

+ Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố: Bằng 0,35 mức lương tối thiểu hiện hành (630.000đ/tháng).

+ Tổ viên Bảo vệ dân phố: Bằng 0,3 mức lương tối thiểu hiện hành (540.000đ/tháng).

- Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho lực lượng Bảo vệ dân phố là: **9,410** tỷ đồng/năm.

2.3. Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng

- Tỉnh Bình Phước có 843 khu dân cư thành lập 843 Đội dân phòng, có 1.686 thành viên là Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng đang tham gia hoạt động (trong đó có 843 Đội trưởng, 843 Đội phó) .

+ Nam: 1.684 người; Nữ: 39 người.

+ Đội tuổi: Dưới 30 tuổi: 343 người; từ 30 đến 50 tuổi: 938 người, từ trên 50 tuổi: 405 người.

+ Trình độ: Từ đại học trở lên 66 người; cao đẳng 99 người, trung cấp 164 người; dưới trung cấp: 1.368 người.

- Chế độ phụ cấp: Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

+ Đội trưởng được hưởng bằng hệ số 0,2 mức lương tối thiểu: 728.000đ/tháng.

+ Đội phó được hưởng bằng hệ số 0,15 mức lương tối thiểu: 546.000đ/tháng.

- Mức chi phụ cấp cho lực lượng Dân phòng (Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng) hàng năm: **12,887** tỷ đồng/năm.

2.4. Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho 03 lực lượng Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách, Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng hàng năm: **(2.1 + 2.2 + 2.3) = 52,838** tỷ đồng/năm.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của 03 lực lượng **Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ Dân phố và Đội trưởng, Đội phó Dân phòng** đang hoạt động hiện nay thành một lực lượng chung với tên gọi là lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Cụ thể hóa quy định của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với người tham gia Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nhằm phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở góp phần xây dựng cuộc sống bình yên và hạnh phúc cho nhân dân.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; bảo đảm các quy định của Nghị quyết được cụ thể và có tính khả thi.

- Kế thừa các quy định pháp luật còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập để xây dựng, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng chất lượng, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không chồng chéo, không mâu thuẫn và tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), như sau:

1. Thực hiện Công văn số 833/UBND-TH ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2024; Công văn số 276/UBND-NC ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện các nội dung được Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở giao quy định chi tiết; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Ngày 01/4/2024 Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành tờ trình số 08/TTr-UBND tỉnh Bình Phước trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đã dự thảo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Phương án kiện toàn, Quyết định kèm theo để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, ban ngành, địa phương.

3. Ngày 15/5/2024, Công an tỉnh đã mời Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan

hợp cho ý kiến về nội dung các dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Phương án kiện toàn, Quyết định.

4. Công an tỉnh đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến đánh giá tác động đối với 03 lực lượng ***Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ Dân phố và Đội trưởng, Đội phó Dân phòng*** đang hoạt động hiện nay. Theo đó, số có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự chiếm 97.44%.

5. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các sở, ngành, vận dụng, kế thừa các chế độ, chính sách của 03 lực lượng này tại cơ sở, Công an tỉnh đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình, Nghị quyết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Ngày....Sở Tư pháp tổ chức Hội đồng thẩm định..

7. NgàyThường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định...

8. Ban Pháp chế...

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 11 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ trình độ đào tạo và bồi dưỡng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 5. Hỗ trợ bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 6. Điều kiện, mức hỗ trợ kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết khi làm nhiệm vụ.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, công tác tập huấn cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (theo khoản 1, Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở)

Điều 8. Hỗ trợ thôi việc đối với người không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên tham gia

1. Mỗi thôn, ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

*** Cơ sở đề xuất:**

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện; có 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn; có 843 khu dân cư, trong đó có 667 thôn, ấp ở các xã; 176 khu phố, thôn, ấp (168 khu phố, 08 thôn, ấp) ở các phường, thị trấn; dự kiến bố trí 843 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước tại cơ sở.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

- Đối với 667 khu dân cư là các thôn, ấp thuộc địa bàn các xã, bố trí 667 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 03 đến 04 thành viên; đối với các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 5 thành viên.

- Đối với 176 khu dân cư là các tổ dân phố (168 khu phố, 08 ấp) thuộc địa bàn các phường, thị trấn, bố trí 176 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 05 đến 08 thành viên. Trong đó, các khu dân cư dưới 3000 nhân khẩu bố trí từ 5 đến 7 thành viên; các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 8 thành viên.

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 14 về Bố trí lực lượng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định; quy mô dân số, tình hình an ninh, trật tự, dân số, diện tích và vận dụng các quy định tại Điểm b, c, Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định mỗi thôn, ấp, khu dân cư được bố trí 01 Công an viên, đối với xã loại 01, 02 được bố trí không quá 02 Công an viên, tại mỗi xã bố trí không quá 03 Công an viên thường trực; Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố Quy định tùy vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn mỗi khu dân cư bố trí mỗi tổ bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Thực tế trên địa bàn tỉnh đang bố trí tại các thôn, ấp ở các xã từ 01 đến 02 Công an viên, 02 Dân phòng; ở mỗi tổ dân phố, khu phố ở các phường, thị trấn bố trí từ 03 đến 07 Bảo vệ dân phố và

02 Dân phòng. Từ đó tổng hợp lại ở mỗi thôn, ấp trên địa bàn xã đã bố trí 4 người và mỗi tổ dân phố, khu phố trên địa bàn phường, thị trấn đã bố trí từ 5 đến 8 người.

Như vậy, tổng số lượng thành viên dự kiến kiện toàn tối đa là 3.900 người (trong đó có 843 Tổ trưởng, 843 tổ phó và 2.214 thành viên), đối chiếu, so sánh với Lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Dân phòng (4.009 thành viên) khi chưa kiện toàn có giảm nhưng số lượng không đáng kể (giảm 109 thành viên).

3. Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

- Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn, thống nhất từ 03 lực lượng sau: Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng.

- Đối với chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tại thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố đã bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, Công an cấp xã lấy ý kiến của đại diện Thôn, Tổ dân phố, Chi bộ, Ban công tác mặt trận thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố và đại diện tổ chức đoàn thể ở cấp xã, đồng thời căn cứ quá trình công tác thực tế tại địa phương của người đã được bổ nhiệm để đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn và đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã xem xét quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Những trường hợp không đảm bảo sức khỏe, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì ưu tiên xem xét, đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận những đồng chí Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố đang được sử dụng có nhiều kinh nghiệm, có uy tín, đảm bảo sức khỏe, trình độ, năng lực, nhiệt tình công tác và đã được bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ làm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

- Đối với những Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không đủ số lượng thành viên thì tổ chức tuyển chọn mới theo quy định của Luật Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và ưu tiên tuyển chọn công dân đã có thời gian phục vụ trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an xã bán chuyên trách đã kết thúc nhiệm vụ, công dân am hiểu về phong tục, tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư hoặc đã từng tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

*** Cơ sở đề xuất:** Vận dụng các quy định tại Điều 14, 15 của Luật Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và nội dung Công văn số 1182/BCA-V05 ngày 04/4/2024 của Bộ Công an về việc kiện toàn thống nhất tổ chức lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Điều 4. Chế độ hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ trình độ đào tạo và bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ hàng tháng

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 1.0 mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 0,8 mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 0,6 mức lương tối thiểu/người/tháng.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng tháng như sau:

* Áp dụng đối với Vùng II

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	195	4.410.000	859.950.000	10.319.400.000
Tổ phó	195	3.528.000	687.960.000	8.255.520.000
Tổ viên	652	2.646.000	1.725.192.000	20.702.304.000
Tổng	1.042	10.584.000	3.273.102.000	39.277.224.000

* Áp dụng đối với Vùng III

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	411	3.860.000	1.586.460.000	19.037.520.000
Tổ phó	411	3.088.000	1.269.168.000	15.230.016.000
Tổ viên	1.047	2.316.000	2.424.852.000	29.098.224.000
Tổng	1.869	9.264.000	5.280.480.000	63.365.760.000

* Áp dụng đối với Vùng IV

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	237	3.450.000	817.650.000	9.811.800.000
Tổ phó	237	2.760.000	654.120.000	7.849.440.000
Tổ viên	443	2.070.000	917.010.000	11.004.120.000
Tổng	989	8.280.000	2.388.780.000	28.665.360.000

2. Hỗ trợ theo trình độ đào tạo

a) Đại học: 0,2 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;

b) Cao đẳng: 0,15 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;

c) Trung cấp: 0,10 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng tháng như sau:

Trình độ đào tạo	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Đại học	142	772.000	109.624.000	1.315.488.000
Cao đẳng	165	579.000	95.535.000	1.146.420.000
Trung cấp	271	386.000	104.606.000	1.255.272.000
Tổng	578		309.765.000	3.717.180.000

*** Cơ sở đề xuất**

Xét thấy Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí ở khu phố, thôn, ấp thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở có nhiều nét tương đồng với lực lượng không chuyên trách tại khu phố, thôn, ấp, khu dân cư trên địa bàn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Công an cấp xã giúp UBND cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với tính chất đặc thù, khối lượng công việc lớn, nguy hiểm, áp lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe, tính mạng. Vận dụng **Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008** của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/8/2008** ban hành quy định về việc áp dụng chế độ phụ cấp hàng tháng trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp ở thôn, tổ dân phố; **Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023** của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/3/2024** ban hành quy định về người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022** của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ trên dựa theo mức phụ cấp đối với các chức danh theo trình độ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

3. Hỗ trợ bồi dưỡng

a) Hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ các ngày lễ, tết).

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Điểm đ, Khoản 3, Điều 4 Thông tư 01/TT-BTC ngày 02/01/2018 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

b) Hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày, làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật về lao động.

*** Cơ sở đề xuất:**

- Vận dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 98 Bộ Luật lao động quy định tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

c) Khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện được hưởng mức bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày.

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Điểm b, Khoản 4, Điều 12, Chương, III, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định về chế độ, công tác phí, chế độ hội nghị.

d) Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ: 100.000 đồng/người/ngày

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BCA ngày 31/7/2018 của Bộ Công an quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trong Công an nhân dân).

Điều 5. Hỗ trợ bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

- Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Hỗ trợ bằng 70% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn áp dụng trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình.

- Những trường hợp đã tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội của cơ quan đơn vị công tác hoặc không tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thì không được hỗ trợ.

*** Cơ sở đề xuất**

(Căn cứ: Điều 87 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động như sau: Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hằng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng mà người tham gia tự lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nhưng không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở); Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế). Trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định với mức đóng theo quy định hiện hành.

Dự kiến mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện như sau:

Tham gia BHXH	Mức đóng BHXH tự nguyện theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn	Nhà nước hỗ trợ 70%	Tự đóng 30%
----------------------	--	----------------------------	--------------------

3.900 TV	330.000	231.000	99.000
Dự toán kinh phí/tháng	1.287.000.000	900.900.000	386.100.000
Dự toán kinh phí/năm	15.444.000.000	10.810.800.000	4.633.200.000

Dự toán mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế như sau:

Tham gia BHYT	Mức đóng	Dự toán kinh phí/tháng (nhà nước hỗ trợ 100%)	Dự toán kinh phí/năm (nhà nước hỗ trợ 100%)
3.900 TV	4.5% mức lương cơ sở (99.000)	386.100.000	4.633.200.000

Điều 6. Điều kiện, mức hỗ trợ kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết khi làm nhiệm vụ (khoản 2 Điều 24 của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở).

1. Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

*** Cơ sở đề xuất:**

Vận dụng điều 22 của Luật bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ là phù hợp với quy định Luật bảo hiểm y tế

2. Trợ cấp đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa (khoản 3 Điều 24 của Luật).

a) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp được quy định như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 9.000.000 đồng và sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng 900.000 đồng.

b) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động trên 31% thì được hưởng trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp hằng tháng được quy định như sau: suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 540.000 đồng, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 36.000 đồng.

*** Căn cứ đề xuất:**

Vận dụng Điều 46, Điều 47 của Luật Bảo hiểm xã hội, quy định:

“...Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở..”

...Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở..”

3. Trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp mai táng bằng 18.000.000 đồng.

b) Đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo số năm tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức hỗ trợ hàng tháng được hưởng.

Thời gian công tác để tính trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng $\frac{1}{2}$ năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

Thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

*** Cơ sở đề xuất:**

Vận dụng khoản 2 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: *“Trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở...”*, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội quy định về mức hưởng trợ cấp tuất.

Điều 7. Mức chỉ hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, công tác tập huấn cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (theo khoản 1, Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở)

1. Trang phục cá nhân, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận theo quy định của Chính phủ.

STT	DANH MỤC TRANG PHỤC	ĐVT	SỐ LƯỢNG	MỨC CHI DỰ KIẾN	THÀNH TIỀN
1.	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	95.000	95.000
2.	Mũ bảo hiểm	Cái	01	387.000	387.000
3.	Quần áo xuân hè ngắn tay	Bộ	02 bộ ngắn tay	510.000	1.020.000

4.	Quần áo xuân hè dài tay	Bộ	01 bộ dài tay	540.000	540.000
5.	Quần áo thu đông	Bộ	01	595.000	1.190.000
6.	Áo sơ mi	Cái	02	275.000	550.000
7.	Ca ra vát	Cái	01	49.000	49.000
8.	Dây lưng	Cái	01	215.000	215.000
9.	Giày da	Đôi	01	395.000	395.000
10.	Dép nhựa	Đôi	01	80.000	80.000
11.	Bít tất	Đôi	02	60.000	120.000
12.	Quần áo mưa	Bộ	01	385.000	385.000
13.	Huy hiệu	Cái	01	40.000	40.000
14.	Phù hiệu	Cái	01	40.000	40.000
15.	Biển hiệu	Cái	01	70.000	70.000
16.	Giấy chứng nhận	Cái	01	40.000	40.000
17.	Tổng				21.260.416.000

2. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, công tác tập huấn, diễn tập hội thi do địa phương tổ chức, mức chi sơ kết, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở:

a) Chi công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, hội nghị sơ, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua.

b) Bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm 1.000.000đ/Tổ/năm, dự toán 843.000.000 đ/năm.

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý về sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức.

Điều 8. Hỗ trợ thôi việc đối với người không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Đối với người (Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng) không có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi kiện toàn thống nhất thì thực hiện chế độ thôi việc theo quy định sau:

a) Người không tiếp tục tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 12 tháng đến dưới 05 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo

vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 0.5 mức lương tối thiểu.

b) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 15 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu.

c) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên mà không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.5 mức lương tối thiểu.

d) Thời gian công tác để tính hỗ trợ thôi việc được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

2. Đối với người tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở được hỗ trợ khi thôi việc theo quy định chi tiết tại khoản 1 điều này. Thời gian công tác được tính chuyển tiếp từ khi tham gia lực lượng Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng.

3. Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 ban hành quy định về người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Theo phân cấp ngân sách hiện hành. Trường hợp các địa phương gặp khó khăn trong việc cân đối, báo cáo ngân sách tỉnh xem xét hỗ trợ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Nghị quyết này thay thế khoản 4, Điều 11, Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình

Phước; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa..... kỳ họp thứ..... thông qua ngày... tháng....năm 2024 và có hiệu lực từ ngày....tháng.....năm 2024./.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

(Kèm theo Dự thảo Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /PA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN

**Kiến toàn thống nhất tổ chức lực lượng tham gia bảo vệ an ninh,
trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 14/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

UBND tỉnh Bình Phước xây dựng Phương án kiến toàn thống nhất tổ chức lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;
- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

- Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều biện thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;
- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp ở thôn, tổ dân phố;
- Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;
- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;
- Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;
- Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 14/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 (*sửa đổi bổ sung năm 2023*), Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang duy trì hoạt động của 03 lực lượng hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gồm: Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Dân phòng, cụ thể:

2.1. Công an xã bán chuyên trách (Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp)

- Trên địa bàn tỉnh có 86 xã, có 1.206 Công an viên (trong đó có 204 Công an viên thường trực ở xã, 1.002 Công an viên ở thôn, ấp) đang hoạt động hỗ trợ lực lượng Công an xã chính quy đảm bảo an ninh trật tự ở thôn, ấp trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- + Nam: 1.172 người; Nữ: 34 người.
- + Độ tuổi: Dưới 30 tuổi: 232 người; từ 30 đến 50 tuổi: 924 người; từ trên 50 tuổi: 152 người.
- + Trình độ: Từ đại học trở lên 51 người; cao đẳng 67 người, trung cấp 36 người; dưới trung cấp 1.052 người.

- Về chế độ phụ cấp: Thực hiện theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 ban hành quy định về người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

+ Công an viên thường trực: Phụ cấp hàng tháng bằng 1.0 mức lương cơ sở + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng + hỗ trợ ngày công lao động 0,05 mức lương cơ sở/ngày + hỗ trợ tiền ăn bằng 0,01 mức lương cơ sở/ngày = 5.580.000đ/người/tháng.

+ Công an viên thôn, ấp: Phụ cấp hàng tháng 0,6 mức lương cơ sở + phụ cấp đặc thù 30% phụ cấp hiện hưởng = 1.404.000đ/người/tháng.

- Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách là: **30,541** tỷ đồng/năm.

2.2. Bảo vệ dân phố

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 25 phường, thị trấn. Tổng số thành viên Bảo vệ dân phố hiện đang tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở là 1.117 người (trong đó: có 25 Ban Bảo vệ dân phố, 25 Trưởng ban, 50 Phó trưởng ban, 176 Tổ trưởng, 866 tổ viên bố trí hoạt động ở 20 phường, 5 thị trấn). Trong đó:

+ Nam: 1.115 người; Nữ: 02 người.

+ Độ tuổi: Từ 18 đến 30: 135 người; từ 31 đến 50: 601 người; từ 50 trở lên 381 người.

+ Trình độ: Từ đại học trở lên 25 người; cao đẳng 30 người, trung cấp 40 người; dưới trung cấp 1.022 người.

- Chế độ phụ cấp hiện tại: Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/8/2008 ban hành quy định về việc áp dụng chế độ phụ cấp hàng tháng trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

+ Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Bằng 1,65 mức lương tối thiểu hiện hành (2.970.000đ/tháng).

+ Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố: Bằng 1,46 mức lương tối thiểu hiện hành (2.628.000đ/tháng).

+ Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố: Bằng 0,35 mức lương tối thiểu hiện hành (630.000đ/tháng).

+ Tổ viên Bảo vệ dân phố: Bằng 0,3 mức lương tối thiểu hiện hành (540.000đ/tháng).

- Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho lực lượng Bảo vệ dân phố là: **9,410** tỷ đồng/năm.

2.3. Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng

- Tỉnh Bình Phước có 843 khu dân cư thành lập 843 Đội dân phòng, có 1.686 thành viên là Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng đang tham gia hoạt động (trong đó có 843 Đội trưởng, 843 Đội phó) .

+ Nam: 1.684 người; Nữ: 39 người.

+ Đội tuổi: Dưới 30 tuổi: 343 người; từ 30 đến 50 tuổi: 938 người, từ trên 50 tuổi: 405 người.

+ Trình độ: Từ đại học trở lên 66 người; cao đẳng 99 người, trung cấp 164 người; dưới trung cấp: 1.368 người.

- Chế độ phụ cấp: Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

+ Đội trưởng được hưởng bằng hệ số 0,2 mức lương tối thiểu: 728.000đ/tháng.

+ Đội phó được hưởng bằng hệ số 0,15 mức lương tối thiểu: 546.000đ/tháng.

- Mức chi phụ cấp cho lực lượng Dân phòng (Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng) hàng năm: **12,887** tỷ đồng/năm.

2.4. Tổng mức chi phụ cấp hàng năm cho 03 lực lượng Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách, Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng hàng năm: **(2.1 + 2.2 + 2.3) = 52,838** tỷ đồng/năm.

II. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN THỐNG NHẤT TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

1. Nguyên tắc và quan điểm

- củng cố, kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng (Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng) theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, bảo đảm tinh gọn đầu mối, có cơ chế chỉ đạo, điều hành và mối quan hệ công tác phối hợp cụ thể; bảo đảm tốt trang bị, phương tiện, chế độ, chính sách, kịp thời động viên, hỗ trợ và phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Việc kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng đang hoạt động hiện nay thành lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phải đảm bảo việc bố trí ở mỗi thôn ấp, tổ dân phố, khu phố được thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với số lượng thành viên từ 03 người trở lên gồm Tổ trưởng, tổ phó và tổ viên.

- Việc kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc tuyển chọn thành viên cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo quy định của Luật Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tiếp tục tham gia hoặc không đủ tiêu chuẩn tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Nội dung định hướng kiện toàn thống nhất về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

2.1. Về số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a. Về số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Đối với mỗi thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố ở xã, phường, thị trấn thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và các Tổ viên.

b. Về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Căn cứ điều khoản 3,4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

- Căn cứ vào quy mô dân số, diện tích và đặc điểm tình hình an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế xã hội ở mỗi thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố để quyết định.

- Căn cứ các quy định tại Điểm b, c, Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định mỗi thôn, ấp, khu dân cư được bố trí 01 Công an viên, đối với xã loại 01, 02 được bố trí không quá 02 Công an viên, tại mỗi xã bố trí không quá 03 Công an viên thường trực; Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố Quy định tùy vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn mỗi khu dân cư bố trí mỗi tổ bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Thực tế trên địa bàn tỉnh hiện nay đang bố trí tại các thôn, ấp ở các xã từ 01 đến 02 Công an viên, 02 Dân phòng (01 đội trưởng và 01 đội phó); ở mỗi tổ dân phố, khu phố ở các phường, thị trấn bố trí từ 03 đến 07 Bảo vệ dân phố và 02 Dân phòng. Từ đó tổng hợp lại 03 lực lượng trên ở mỗi thôn, ấp trên địa bàn xã đang bố trí từ **03 đến 04** người và mỗi tổ dân phố, khu phố trên địa bàn phường, thị trấn đang bố trí từ **05 đến 09** người. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện; có 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn; có 843 khu

dân cư là các thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố; trong đó có 667 thôn, ấp ở các xã; 176 khu phố, thôn, ấp (168 khu phố, 08 thôn, ấp) ở các phường, thị trấn

Từ các căn cứ, cơ sở trên đưa ra phương án kiện toàn bố trí số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên trong mỗi tổ, cụ thể như sau:

- Đối với 667 khu dân cư là các thôn, ấp thuộc địa bàn các xã, bố trí 667 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 03 đến 04 thành viên; đối với các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 5 thành viên.

- Đối với 176 khu dân cư là các tổ dân phố (168 khu phố, 08 ấp) thuộc địa bàn các phường, thị trấn, bố trí 176 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi tổ có từ 05 đến 08 thành viên. Trong đó, các khu dân cư dưới 3000 nhân khẩu bố trí từ 5 đến 7 thành viên; các khu dân cư trên 3000 nhân khẩu hoặc dưới 3000 nhân khẩu nhưng có tình hình ANTT phức tạp thì bố trí đến 8 thành viên.

Như vậy, tổng số lượng thành viên dự kiến kiện toàn tối đa là 3.900 người (trong đó có 843 Tổ trưởng, 843 tổ phó và 2.214 thành viên), đối chiếu, so sánh với Lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Dân phòng (4.009 thành viên) khi chưa kiện toàn có giảm nhưng số lượng không đáng kể (giảm 109 thành viên).

Đối với những Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không đủ số lượng thành viên thì tổ chức tuyển chọn mới theo quy định của Luật Lực lượng và ưu tiên tuyển chọn công dân đã có thời gian phục vụ trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an xã bán chuyên trách đã kết thúc nhiệm vụ, công dân am hiểu về phong tục, tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư hoặc đã từng tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2.2. Về chức danh Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Tại thôn, tổ dân phố đã bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, Công an cấp xã lấy ý kiến của đại diện Thôn, Tổ dân phố, Chi bộ, Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố và đại diện tổ chức đoàn thể ở cấp xã, đồng thời căn cứ quá trình công tác thực tế tại địa phương của người đã được bổ nhiệm để đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn và đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã xem xét quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Những trường hợp không đảm bảo sức khỏe, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì ưu tiên xem xét, đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận những đồng chí Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố đang được sử dụng có nhiều kinh nghiệm, có uy tín, đảm bảo sức khỏe, trình độ, năng lực, nhiệt tình công tác và đã được bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ làm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

3. Chế độ hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ trình độ đào tạo và bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

3.1. Mức hỗ trợ hàng tháng

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 1.0 mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 0,8 mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Phụ cấp hàng tháng 0,6 mức lương tối thiểu/người/tháng.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ hằng tháng như sau:

* Áp dụng đối với Vùng II

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	195	4.410.000	859.950.000	10.319.400.000
Tổ phó	195	3.528.000	687.960.000	8.255.520.000
Tổ viên	652	2.646.000	1.725.192.000	20.702.304.000
Tổng	1.042	10.584.000	3.273.102.000	39.277.224.000

* Áp dụng đối với Vùng III

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	411	3.860.000	1.586.460.000	19.037.520.000
Tổ phó	411	3.088.000	1.269.168.000	15.230.016.000
Tổ viên	1.047	2.316.000	2.424.852.000	29.098.224.000
Tổng	1.869	9.264.000	5.280.480.000	63.365.760.000

* Áp dụng đối với Vùng IV

	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Tổ trưởng	237	3.450.000	817.650.000	9.811.800.000
Tổ phó	237	2.760.000	654.120.000	7.849.440.000
Tổ viên	443	2.070.000	917.010.000	11.004.120.000
Tổng	989	8.280.000	2.388.780.000	28.665.360.000

3.2. Hỗ trợ theo trình độ đào tạo

- a) Đại học: 0,2 mức lương tối thiểu/người/tháng;
- b) Cao đẳng: 0,15 mức lương tối thiểu/người/tháng;
- c) Trung cấp: 0,10 mức lương tối thiểu/người/tháng.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng tháng như sau:

Trình độ đào tạo	Số lượng TV	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Kinh phí hỗ trợ 01 tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ 01 năm (đồng)
Đại học	142	772.000	109.624.000	1.315.488.000
Cao đẳng	165	579.000	95.535.000	1.146.420.000
Trung cấp	271	386.000	104.606.000	1.255.272.000
Tổng	578		309.765.000	3.717.180.000

* Cơ sở đề xuất

Xét thấy Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí ở khu phố, thôn, ấp thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở có nhiều nét tương đồng với lực lượng không chuyên trách tại khu phố, thôn, ấp, khu dân cư trên địa bàn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Công an cấp xã giúp UBND cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với tính chất đặc thù, khối lượng công việc lớn, nguy hiểm, áp lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe, tính mạng. Vận dụng **Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008** của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/8/2008** ban hành quy định về việc áp dụng chế độ phụ cấp hàng tháng trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp ở thôn, tổ dân phố; **Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023** của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 25/3/2024** ban hành quy định về người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; **Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022** của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ trên dựa theo mức phụ cấp đối với các chức danh theo trình độ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

3.3. Hỗ trợ bồi dưỡng

a) Hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ các ngày lễ, tết).

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Điểm đ, Khoản 3, Điều 4 Thông tư 01/TT-BTC ngày 02/01/2018 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

b) Hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày, làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật về lao động.

*** Cơ sở đề xuất:**

- Vận dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 98 Bộ Luật lao động quy định tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

c) Khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện được hưởng mức bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày.

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Điểm b, Khoản 4, Điều 12, Chương, III, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định về chế độ, công tác phí, chế độ hội nghị.

d) Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ: 100.000 đồng/người/ngày

*** Cơ sở đề xuất:**

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BCA ngày 31/7/2018 của Bộ Công an quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trong Công an nhân dân).

4. Hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

- Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Hỗ trợ bằng 70% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn áp dụng trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình.

- Những trường hợp đã tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội của cơ quan đơn vị công tác hoặc không tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thì không được hỗ trợ.

*** Cơ sở đề xuất**

(Căn cứ: Điều 87 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động như sau: Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hằng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng mà người tham gia tự lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nhưng không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở); Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế). Trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định với mức đóng theo quy định hiện hành.

Dự kiến mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện như sau:

Tham gia BHXH	Mức đóng BHXH tự nguyện theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn	Nhà nước hỗ trợ 70%	Tự đóng 30%
3.900 TV	330.000	231.000	99.000
Dự toán kinh phí/tháng	1.287.000.000	900.900.000	386.100.000
Dự toán kinh phí/năm	15.444.000.000	10.810.800.000	4.633.200.000

Dự toán mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế như sau:

Tham gia BHYT	Mức đóng	Dự toán kinh phí/tháng (nhà nước hỗ trợ 100%)	Dự toán kinh phí/năm (nhà nước hỗ trợ 100%)
3.900 TV	4.5% mức lương cơ sở (99.000)	386.100.000	4.633.200.000

5. Hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

*** Cơ sở đề xuất:**

Vận dụng điều 22 của Luật bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ là phù hợp với quy định Luật bảo hiểm y tế

6. Điều kiện, mức hỗ trợ kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết khi làm nhiệm vụ (khoản 2 Điều 24 của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở).

6.1. Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

*** Cơ sở đề xuất:**

Vận dụng điều 22 của Luật bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ là phù hợp với quy định Luật bảo hiểm y tế

6.2. Trợ cấp đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa (khoản 3 Điều 24 của Luật).

a) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp được quy định như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 9.000.000 đồng và sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng 900.000 đồng.

b) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động trên 31% thì được hưởng trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp hằng tháng được quy định như sau: suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 540.000 đồng, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 36.000 đồng.

*** Căn cứ đề xuất:**

Vận dụng Điều 46, Điều 47 của Luật Bảo hiểm xã hội, quy định:

“...Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở..

...Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở..”.

6.3. Trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp mai táng bằng 18.000.000 đồng.

b) Đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo số năm tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức hỗ trợ hàng tháng được hưởng.

Thời gian công tác để tính trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng $\frac{1}{2}$ năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

Thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

*** Cơ sở đề xuất:**

Vận dụng khoản 2 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: “*Trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở...*”, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội quy định về mức hưởng trợ cấp tuất.

7. Mức chi hỗ trợ, mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở

7.1. *Mức trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở* (điểm a, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở quy định: (1) Nhiệm vụ chi của địa phương do ngân sách của địa phương đảm bảo, bao gồm: Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (2) UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương).

Bộ Công an sẽ cấp phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

7.2. *Mức chi công tác huấn luyện, bồi dưỡng; diễn tập, hội thi; sơ kết, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng do địa phương tổ chức và các khoản chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật (quy định Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở quy định).*

Hàng năm có dự toán cụ thể các mục chi kèm theo.

8. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (theo điểm b Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở).

9. Mức khoán kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động hàng tháng của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.000.000đ/tổ/năm.

** Cơ sở đề xuất: Căn cứ nguồn kinh phí thường xuyên của địa phương.*

10. Về chế độ chính sách và mức hỗ trợ đối với người thôi không tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

10.1. Đối với người không có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự khi kiện toàn thống nhất thì thực hiện chế độ thôi việc theo quy định sau:

- Người tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 12 tháng đến dưới 05 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 0.5 mức lương tối thiểu vùng.

- Người tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 15 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu vùng.

- Người tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên mà không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.5 mức lương tối thiểu vùng.

- Thời gian công tác để tính hỗ trợ thôi việc được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

Cơ sở đề xuất:

Căn cứ Điều 7, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

10.2. Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

11. Về địa điểm, nơi làm việc đối với lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở: Tại các nhà văn hóa của thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố.

12. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hiện hành.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Những mặt tích cực trong việc kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng

- Thống nhất thành 01 lực lượng chịu sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý của UBND cấp xã và sự phân công, hướng dẫn, kiểm tra của Công an cấp xã. Từ đó nâng cao chất lượng công tác của lực lượng này trong việc đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

- Sắp xếp, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng thống nhất, kiện toàn, tinh gọn đầu mối gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, mối quan hệ công tác của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo luật định góp phần tập trung bảo đảm nguồn lực, cơ sở vật chất, chế độ, chính sách và bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được tốt hơn, thực chất hơn.

- Xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính trong quan hệ phối hợp giữa lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự; khắc phục thực trạng hiện nay là có nhiều lực lượng cùng tham gia nhưng không xác định được chủ thể chịu trách nhiệm chính. Mặt khác, việc điều chỉnh thống nhất 03 lực lượng này sẽ khắc phục hạn chế, bất cập hiện nay khi người dân rất khó phân biệt tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn, trang phục, địa bàn, phạm vi hoạt động... của các lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Được sự quan tâm và đồng thuận, thống nhất trong cả hệ thống chính trị, trong quần chúng Nhân dân.

2. Những mặt hạn chế trong việc kiện toàn thống nhất 03 lực lượng

Bước đầu quá trình kiện toàn, có một số lực lượng dôi dư, không đủ điều kiện tham gia hoặc không có nguyện vọng tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở sẽ có những tâm tư, tình cảm nhất định; việc giải quyết chế độ chính sách cho các trường hợp này cần thực hiện hết sức thận trọng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho họ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Phương án này.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố để hướng dẫn UBND cấp xã triển khai kiện toàn, thống nhất lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Khẩn trương phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình Hội Đồng nhân dân tỉnh thông qua trong kỳ họp tháng 6/2024. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở cần thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp Công an tỉnh trong việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, ấp, tổ dân phố, khu phố; quy chế hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn UBND cấp xã trong việc thực hiện hồ sơ, quy trình kiện toàn các lực lượng.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Công an tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu, hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, mức chi, hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

4. Sở Tư pháp

Phối hợp Công an tỉnh trong quá trình tham mưu các văn bản triển khai Luật.

5. Sở Lao động và Thương binh – Xã hội

Phối hợp Công an tỉnh trong việc tham mưu thực hiện chế độ, chính sách; chế độ thôi tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; mức bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện các nhiệm vụ ban đêm, độc hại, nguy hiểm, ngày nghỉ, lễ, tết hoặc đặc biệt độc hại, nguy hiểm.

6. Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh - Truyền hình và báo Bình Phước; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh

Tổ chức đưa tin về việc triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; thực hiện các phóng sự tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi để người dân trên địa bàn tỉnh biết; tổ chức đưa tin, viết bài về các hoạt động kiện toàn và triển khai thi hành luật của UBND các cấp, các sở, ban, ngành và tổ chức có liên quan.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp Công an tỉnh trong việc tham mưu mức chi hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo UBND cấp xã và phối hợp Công an tỉnh trong việc tổ chức thực hiện Phương án, Kế hoạch và triển khai các văn bản thi hành Luật của UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền.

Yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc phương án này. Quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh, Phòng PV01, Đội 8) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Công an (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Các đ.đ. Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền